

DI GIÁO KINH

(KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG)

**PHẬT THÙY BÁT NIẾT-BÀN
LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI KINH
DIỆC DANH: PHẬT DI GIÁO KINH**

ÂM - NGHĨA

**HẬU TẤN TAM TỌNG PHÁP SƯ CƯU-MA-LA-THẬP PHỤNG CHIẾU ĐỨC
ĐOÀN TRUNG CÓN - NGUYỄN MINH TIẾN VIỆT ĐỨC VÀ CHỮ CÁI**



**NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO**



KINH DI GIÁO

HẬU TÂN TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU-MA-LA-THẬP PHỤNG CHIẾU DỊCH
ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN *Việt dịch và chú giải*
NGUYỄN MINH HIỂN *hiệu đính*

Phát hành theo thỏa thuận giữa Công ty Văn hóa Hương Trang và tác giả. Nghiêm cấm mọi sự sao chép, trích dịch hoặc in lại mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

GPXB số 888-2010/CXB/46-139/TG

QĐXB số 766/QĐ-TG

In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Minh
416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM Việt Nam

Published by arrangement between Hương Trang Cultural Company Ltd. and the author.

All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

KINH

LỜI DẠY CUỐI CÙNG

[PHẬT THÙY BÁT NIẾT-BÀN
LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI KINH]
[DIỆC DANH: PHẬT DI GIÁO KINH]

[ÂM - NGHĨA]

(HẬU TÂN TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU-MA-LA-THẬP PHỤNG CHIẾU DỊCH)
ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN *Việt dịch và chú giải*
NGUYỄN MINH HIỂN *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

NGHI THỨC KHAI KINH

(Phần nghi thức này không thuộc Kinh văn nhưng cần tụng niệm trước để tâm thức được an tịnh trước khi đi vào tụng đọc Kinh văn)

NIỆM HƯƠNG

(Thắp đèn đốt hương trầm, đứng ngay ngắn chấp tay ngang ngực thâm niệm theo nghi thức dưới đây.)

Tịnh pháp giới chân ngôn:

Ấn lam tóa ha.

(3 lần)

Tịnh tam nghiệp chân ngôn:

Ấn ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám.

(3 lần)

(Chủ lễ thắp 3 cây hương, quỳ ngay ngắn nâng hương lên ngang trán niệm bài Cúng hương sau đây.)

CÚNG HƯƠNG TÁN PHẬT

**Nguyện thử diệu hương vân,
Biển mãn thập phương giới.
Cúng dường nhất thiết Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ Tát,
Vô biên Thanh văn chúng,
Cập nhất thiết thánh hiền.
Duyên khởi quang minh đài,**

Xứng tánh tác Phật sự.
Phổ huân chư chúng sanh,
Giai phát Bồ-đề tâm,
Viễn ly chư vọng nghiệp,
Viên thành vô thượng đạo.

(Chủ lễ xá 3 xá rồi đọc bài Kỳ nguyện dưới đây.)

KỠ NGUYỆN

Tư thời đệ tử chúng đấng phúng tụng
kinh chú, xưng tán hồng danh, tập thủ công
đức, nguyện thập phương thường trú Tam
bảo, Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Tiếp Dẫn
Đạo Sư A-di-đà Phật... từ bi gia hộ đệ tử...
Pháp danh... phiền não đoạn diệt, nghiệp
chướng tiêu trừ, thường hoạch kết tường,
vĩnh ly khổ ách. Phổ nguyện âm siêu dương
thời, hải yển hà thanh, pháp giới chúng sanh
tề thành Phật đạo.

*(Cắm hương ngay ngắn vào lư hương rồi đứng
thẳng chấp tay niệm bài Tán Phật sau đây.)*

TÁN PHẬT

Pháp vương vô thượng tôn,
Tam giới vô luân thất.

Thiên nhân chi Đạo sư,
Tứ sanh chi từ phụ.
Ư nhất niệm quy y,
Năng diệt tam kỳ nghiệp.
Xưng dương nhược tán thán,
Ức kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỚNG

Năng lễ sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì.
Ngã thử đạo tràng như đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Chí tâm đánh lễ: Nam-mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai thập phương chư Phật, Tôn pháp, Hiền thánh tăng thường trú Tam bảo. *(1 lay)*

Chí tâm đánh lễ: Nam-mô Ta-bà Giáo chủ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật, Đại trí Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát, Đại hạnh Phổ Hiền Bồ

Tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát. (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ: Nam-mô Tây phương Cực Lạc Thế giới Đại từ Đại bi A-di-đà Phật, Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (1 lạy)

(Từ đây bắt đầu khai chuông mõ, đại chúng đồng tụng.)

TÁN HƯƠNG

**Lư hương xạ nhiệt,
Pháp giới mông huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xứ kiết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân.**

Nam-mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma-ha-tát. (3 lần)

CHÚ ĐẠI BI

Nam-mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát.
(3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa.

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông, a rị da bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha. Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng cu lô cu lô, kiết mông độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha.

Ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ, thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết, tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lý thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô yết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án tất điện đô, mạn đđa ra, bạt đà dạ, ta bà ha. (3 lần)

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần)

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

Nam-mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

(3 lần)

PHẬT DI GIÁO KINH

[PHẬT THÙY BÁT NIẾT-BÀN LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI KINH]

(Hậu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu-ma-la-thập phụng chiếu dịch)

ĐƯỜNG THÁI TÔNG PHẬT DI GIÁO KINH THI HÀNH SẮC

*Vãng giả, Như Lai diệt hậu, dĩ mạng đại
kiêu phù phó chúc quốc vương, đại thân
hộ trì Phật pháp. Nhiên, tăng ni xuất gia
giới hạnh tu bị. Nhược túng tình dâm dật,
xúc đồ phiến não, quan thiệp nhân gian,
động vi kinh luật, ký thất Như Lai huyền
diệu chi chỉ, hựu khuy quốc vương thọ phó
chi nghĩa.*

*Di giáo kinh giả, thị Phật lâm Niết-bàn
sở thuyết, giới khuyến đệ tử, thậm vi tường
yếu. Mạng tục tri tổ tịnh bất sùng phụng. Đại
đạo tương ản, vi ngôn thả tuyệt.*

*Vĩnh hoài Thánh giáo, dụng tư hoàng
triển, nghi linh sở tư, sai thơ thủ thập nhân,*

đa tả Kinh bốn, vụ tại thi hành. Sở tu chỉ, bút, mặc đấng, hữu tư chuẩn cấp. Kỳ quan hoạn ngũ phẩm dĩ thượng cấp chư châu thứ sử, các phó nhất quyền. Nhược kiến Tăng Ni hạnh nghiệp dĩ Kinh văn bất đồng, nghi công tư khuyến miễn, tất sử tuân hành.

[CHÁNH VĂN]

NHẤT - KINH TỰ

Thích-ca Mâu-ni Phật, sơ chuyển pháp luân độ A-nhã Kiều-trần-như, tối hậu thuyết pháp độ Tu-bạt-đà-la. Sở ưng độ giả, giai dĩ độ ngật. Ư Sa-la song thọ gian, tương nhập Niết bàn. Thị thời, trung dạ tịch nhiên vô thanh. Vị chư đệ tử, lược thuyết pháp yếu.

NHỊ - TRÌ GIỚI

Nhữ đấng tỳ-kheo! Ư ngã diệt hậu, đương tôn trọng trân kính Ba-la-đề-mộc-xoa. Như ám ngộ minh, bản nhân đắc bảo, đương tri thủ tác thị nhữ đấng đại sư. Nhược ngã trụ thế, vô dị thủ dã. Trì tịnh giới giả, bất đắc

phán mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ, súc sanh. Nhất thiết chủng thực cập chư tài bảo, giai đương viễn ly, như ty hỏa khanh. Bất đắc trăm phạt thảo mộc, khẩn thổ, quật địa, hiệp hòa thang dược, chiêm tướng kiết hung, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư. Lịch số, toán kế, giai sở bất ứng. Tiết thân, thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự, thông trí sứ mạng. Chú thuật, tiên dược, kết hảo quý nhân, thân hậu tiết mạn, giai bất ứng tác. Đương tự đoan tâm chánh niệm cầu độ. Bất đắc bao tàng hà tỳ, hiển dị hoặc chúng. Ư tứ cúng dường, tri lượng, tri túc. Thú đắc cúng sự, bất ứng súc tích.

Thử tắc lược thuyết trì giới chi tướng. Giới thị chánh thuận giải thoát chi bản, cố danh Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhân y thử giới đắc sanh chư thiên định cập diệt khổ trí huệ. Thị cố tỳ-kheo đương trì tịnh giới, vật linh hủy khuyết. Nhược nhân năng trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp. Nhược vô

tịnh giới, chư thiện công đức giai bất đắc sanh. Thị dĩ đương tri giới vi đệ nhất an ổn công đức chi sở trụ xứ.

TAM - CHẾ TÂM

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Dĩ năng trụ giới, đương chế ngũ căn, vật linh phóng dật, nhập ử ngũ dục. Thí như mục ngư chi nhân, chấp trượng thị chi, bất linh tủng dật, phạm nhân miêu giá. Nhược tủng ngũ căn, phi duy ngũ dục tương vô nhai bạn, bất khả chế dã, diệc như ác mã bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhân trụ ử khanh hãm. Như bị kiếp hại, khổ chỉ nhất thế. Ngũ căn tặc họa, ương cập lũy thế, vi hại thậm trọng, bất khả bất thận. Thị cố trí giả chế nhi bất tùy, trì chi như tặc, bất linh tủng dật. Giả linh tủng chi, giai diệc bất cứu kiến kỳ ma diệt

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố nhữ đẳng đương hảo chế tâm. Tâm chi khả úy, thậm ử độc xà, ác thú, oán tặc. Đại hỏa việt dật, vị túc dụ dã.

Thí như hữu nhân, thủ chấp mật khí, động chuyển kinh táo, dẫn quan ư mật, bất kiến thâm khanh. Thí như công tượng vô câu, viên hầu đắc thọ, đằng dước tráo trích, nan khả cấm chế. Đương cấp tỏa chi, vô linh phóng dật. Túng thử tâm giả, táng nhân thiện sự, chế chi nhất xứ, vô sự bất biện.

Thị cố tỳ-kheo đương cần tinh tấn, chiết phục nữ tâm.

TỨ - TIẾT THỰC

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Thọ chư ẩm thực, đương như phục dước. Ư hảo, ư ố, vật sanh tăng giảm. Thú đắc chi thân, dĩ trừ cơ khát. Như phong thái hoa, dẫn thủ kỳ vị, bất tổn hương sắc. Tỳ-kheo diệc nhĩ, thọ nhân cúng dường, thú tự trừ não, vô đắc đa câu, hoại kỳ thiện tâm. Thí như trí giả, trừ lượng ngư lực sở kham đa thiếu, bất linh quá phạm, dĩ kiệt kỳ lực.

NGŨ - GIỚI THỤY MIÊN

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời. Sơ dạ, hậu

dạ, diệc vật hữu phế; trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức. Vô dĩ thụ miên nhân duyên linh nhất sanh không quá, vô sở đắc dã. Đương niệm vô thường chi hỏa thiêu chư thế gian. Tảo cầu tự độ, vật thụ miên dã.

Chư phiền não tặc thường tứ sát nhân, thậm ư oán gia. An khả thụ miên, bất tự cảnh ngộ? Phiền não độc xà thụ tại nhữ tâm, thí như hắc nguyên tại nhữ thất thụ. Đương dĩ trì giới chi câu, tảo bính trừ chi. Thụ xà ký xuất, nãi khả an miên. Bất xuất nhi miên, thị vô tà nhân.

Tàm sĩ chi phục, ư chi trang nghiêm, tối vi đệ nhất. Tàm như thiết câu, năng chế nhân phi pháp. Thị cố tỳ-kheo thường đương tàm sĩ, vô đắc tạm thế. Nhược ly tàm sĩ, tắc thất chư công đức.

Hữu quý chi nhân, tắc hữu thiện pháp. Nhược vô quý giả, dĩ chư cầm thú, vô tương dị dã.

LỤC - GIỚI SÂN NHUẾ

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Nhược hữu nhân lai tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm, vô linh sân hận; diệt đương hộ khẩu, vật xuất ác ngôn. Nhược túng nhuế tâm, tắc tự phương đạo, thất công đức lợi.

Nhẫn chi vi đức, trì giới, khổ hạnh sở bất năng cập. Năng hành nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu lực đại nhân. Nhược kỳ bất năng hoan hỷ nhẫn thọ ác mạ chi độc như ẩm cam lộ giả, bất danh nhập đạo trí huệ nhân dã.

Sở dĩ giả hà? Sân nhuế chi hại tắc phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn; kim thể, hậu thể nhân bất hỷ kiến.

Đương tri sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phòng hộ, vô linh đắc nhập. Kiếp công đức tắc, vô quá sân nhuế. Bạch y thọ dục, phi hành đạo nhân vô pháp tự chế, sân du khả thứ. Xuất gia hành đạo vô dục chi nhân, nhi hoài sân nhuế, thậm bất khả dã! Thí như thanh lãnh vân trung, tịch lịch khởi hỏa, phi sở ưng dã.

THẤT – GIỚI KIÊU MẠN

Nhữ đấng tỳ-kheo! Đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khát tự hoạt. Tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn, đương tạt diệt chi. Tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thế tục bạch y sở nghi, hà huống xuất gia nhập đạo chi nhân, vị giải thoát cố, tự giáng kỳ thân nhi hành khát da?

BÁT – GIỚI SIÊM KHÚC

Nhữ đấng tỳ-kheo! Siêm khúc chi tâm dữ đạo tương vi. Thị cố nghi ưng chất trực kỳ tâm. Đương tri siêm khúc đản vi khi cuống, nhập đạo chi nhân tác vô thị xứ. Thị cố nhữ đấng nghi đương đoan tâm, dĩ chất trực vi bốn.

CỬU – THIỂU DỤC

Nhữ đấng tỳ-kheo! Đương tri đa dục chi nhân, đa câu lợi cố, khổ não diệt đa. Thiểu dục chi nhân, vô câu vô dục, tác vô thử hoạn. Trực nhĩ thiểu dục, thượng nghi tu tập, hà

huống thiếu dục năng sanh chư công đức?
 Thiếu dục chi nhân tắc vô siểm khúc dĩ cầu
 nhân ý, diệc phục bất vi chư căn sở khiên.
 Hành thiếu dục giả, tâm tắc thản nhiên, vô
 sở ưu úy. Xúc sự hữu dư, thường vô bất túc.
 Hữu thiếu dục giả, tắc hữu Niết-bàn. Thị
 danh thiếu dục.

THẬP - TRI TÚC

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Nhược dục thoát
 chư khổ não, đương quán tri túc. Tri túc
 chi pháp, tức thị phú lạc, an ổn chi xứ. Tri
 túc chi nhân tuy ngộ địa thượng, du vi an
 lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường, diệc
 bất xứng ý! Bất tri túc giả, tuy phú nhi bần.
 Tri túc chi nhân, tuy bần nhi phú. Bất tri
 túc giả, thường vi ngũ dục sở khiên, vi tri
 túc giả chi sở lân mẫn. Thị danh tri túc.

THẬP NHẤT - VIÊN LY

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Dục cầu tịch tĩnh,
 vô vi, an lạc, đương ly hội não, độc xử nhàn
 cư.

Tĩnh xử chi nhân, Đế-thích, chư thiên sở cộng kính trọng. Thị cố đương xả kỷ chúng, tha chúng, không nhân độc xử, tư diệt khổ bốn. Nhược nhạo chúng giả, tắc thọ chúng nào. Thí như đại thọ, chúng điều tập chi, tắc hữu khô chiết chi hoạn. Thế gian phược trước, một ư chúng khổ. Thí như lão tượng nịch nê, bất năng tự xuất. Thị danh viễn ly.

THẬP NHỊ – TINH TẤN

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Nhược cần tinh tấn, tắc sự vô nan giả. Thị cố nhữ đẳng đương cần tinh tấn. Thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm sắc sắc giải phế, thí như toàn hỏa, vị nhiệt nhi tức. Tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc. Thị danh tinh tấn.

THẬP TAM – BÁT VONG NIỆM

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bát vong niệm. Nhược hữu bát vong niệm giả, chư phiền

não tặc tặc bất năng nhập. Thị cố nữ đẳng thường đương nhiếp niệm tại tâm. Nhược thất niệm giả, tặc thất chư công đức. Nhược niệm lực kiên cường, tuy nhập ngũ dục tặc trung, bất vi sở hại. Thí như trước khái nhập trận, tặc vô sở úy. Thị danh bất vong niệm.

THẬP TỨ – THIÊN ĐỊNH

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Nhược nhiếp tâm giả, tâm tặc tại định. Tâm tại định cố, năng tri thế gian sanh diệt pháp tướng. Thị cố nữ đẳng thường đương tinh tấn tu tập chư định. Nhược đắc định giả, tâm tặc bất tán. Thí như tích thủy chi gia, thiện trì đê đường. Hành giả diệc nhĩ, vị trí huệ thủy cố, thiện tu thiên định, linh bất lậu thất. Thị danh vi định.

THẬP NGŨ – TRÍ HUỆ

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Nhược hữu trí huệ, tặc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất. Thị tặc ư ngã pháp trung,

năng đắc giải thoát. Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhân, hựu phi bạch y, vô sở danh dã. Thật trí huệ giả tác thị độ lão bệnh tử hải kiên lao thuyên dã, diệc thị vô minh hắc ám đại minh đặng dã; nhất thiết bệnh giả chi lương dược dã; phạt phiền não thọ chi lợi phủ dã. Thị cố nhữ đặng đương dĩ văn tư tu huệ nhi tự tăng ích. Nhược nhân hữu trí huệ chi chiếu, tuy thị nhục nhân, nhi thị minh kiến nhân dã. Thị danh trí huệ.

THẬP LỤC – BÁT HÝ LUẬN

Nhữ đặng tỳ-kheo! Nhược chủng chủng hý luận, kỳ tâm tác loạn. Tuy phục xuất gia, du vị đắc thoát. Thị cố tỳ-kheo đương cấp xả ly loạn tâm hý luận. Nhược nhữ đặng dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện diệt hý luận chi hoạn. Thị danh bát hý luận.

THẬP THẤT – TỰ MIỄN

Nhữ đặng tỳ-kheo! Ư chư công đức, thường đương nhất tâm. Xả chư phóng dật,

như ly oán tặc. Đại bi Thế Tôn sở thuyết lợi ích, giai dĩ cứu cánh. Nhữ đẳng đản đương cân nhi hành chi. Nhược ư sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thọ hạ, nhàn xử tĩnh thất, niệm sở thọ pháp, vật linh vong thất. Thường đương tự miễn, tinh tấn tu chi. Vô vi không tử, hậu trí hữu hồi.

Ngã như lương y, tri bệnh thuyết dược. Phục dữ bất phục, phi y cứu già. Hựu như thiện đạo, đạo nhân thiện đạo. Văn chi bất hành, phi đạo quá dã.

THẬP BÁT – QUYẾT NGHI

Nhữ đẳng nhược ư khổ đẳng Tứ đế, hữu sở nghi giả, khả tậ vấn chi. Vô đắc hoài nghi, bất câu quyết dã.

Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam xướng, nhân vô vấn giả. Sở dĩ giả hà? Chúng vô nghi cố.

Thời, A-nậu-lâu-đà quán sát chúng tâm, nhi bạch Phật ngôn:

Thế-Tôn! Nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh, Phật thuyết Tứ đế bất khả linh di. Phật thuyết Khổ đế thật khổ, bất khả linh lạc. Tập chân thị nhân, cánh vô di nhân. Khổ nhược diệt giả, tức thị nhân diệt. Nhân diệt, cố quả diệt. Diệt khổ chi đạo, thật thị chân đạo, cánh vô dư đạo.

Thế Tôn! Thị chư tỳ-kheo, ư Tứ đế trung, quyết định vô nghi.

THẬP CỬU – CHÚNG SANH ĐẮC ĐỘ

Ư thử chúng trung, sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm. Nhược hữu sơ nhập pháp giả, văn Phật sở thuyết, tức giai đắc độ. Thí như dạ kiến điện quang, tức đắc kiến đạo. Nhược sở tác dĩ biện, dĩ độ khổ hải giả, dẫn tác thị niệm: Thế Tôn diệt độ, nhất hà tật tai?

A-nậu-lâu-đà tuy thuyết thị ngữ, chúng trung giai tất liễu đạt Tứ thánh đế nghĩa.

Thế-Tôn dục linh thử chư đại chúng
giai đắc kiên cố, dĩ đại bi tâm, phục vị
chúng thuyết:

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Vật hoài bi não.
Nhược ngã trụ thế nhất kiếp, hội diệt
đương diệt. Hội nhi bất ly, chung bất khả
đắc. Tự lợi, lợi tha, pháp giai cụ túc. Nhược
ngã cứu trụ, cánh vô sở ích. Ứng khả độ
giả, nhược thiên thượng, nhân gian, giai
tất dĩ độ. Kỳ vị độ giả, giai diệt dĩ tác đắc
độ nhân duyên.

NHI THẬP – PHÁP THÂN THƯỜNG TẠI

Tự kim dĩ hậu, ngã chư đệ tử triển
chuyển hành chi, tác thị Như Lai Pháp thân
thường tại nhi bất diệt dã. Thị cố đương tri
thế giai vô thường, hội tất hữu ly. Vật hoài
ưu não.

Thế tướng như thị. Đương cần tinh tấn,
tảo cầu giải thoát, dĩ trí huệ minh, diệt chư
si ám. Thế thật nguy tụy, vô kiên lao giả.

Ngã kim đắc diệt, như trừ ác bệnh. Thử thị ứng xả tội ác chi vật, giả danh vi thân, một tại lão, bệnh, sanh, tử đại hải. Hà hữu trí giả đắc trừ diệt chi, như sát oán tặc, nhi bất hoan hỷ?

NHỊ THẬP NHẤT – KẾT LUẬN

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Thường dương nhất tâm, cần cầu xuất đạo. Nhất thiết thế gian động bất động pháp, giai thị bại hoại bất an chi tướng. Nhữ đẳng thả chỉ, vật đắc phục ngữ. Thời tương dục quá, ngã dục diệt độ. Thị ngã tối hậu chi sở giáo hối.

PHẬT DI GIÁO KINH CHUNG

PHÂN DỊCH NGHĨA

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

(Đời Hậu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu-ma-la-thập vâng chiếu dịch)

SẮC CHỈ CỦA VUA ĐƯỜNG THÁI TÔNG

VỀ VIỆC THỰC HÀNH
KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

Đức Như Lai xưa trước khi diệt độ, biết rằng về đời mạt pháp con người rồi sẽ khinh bạc quá độ, nên phó chúc cho hàng quốc vương, đại thần hộ trì Phật pháp. Dù vậy, hàng tăng ni xuất gia tự phải nên đầy đủ giới hạnh. Nếu lại buông thả tình ý vào đường dâm dật, vướng vít phiền não, qua lại chốn thế gian, làm trái với kinh luật, tức là đánh mất ý chỉ huyền diệu của Như Lai, lại phụ nghĩa hàng quốc vương nhận lời phó chúc.

Kinh Di giáo này do Phật thuyết giảng lúc sắp nhập Niết-bàn, khuyên nhủ hàng đệ tử, lời lẽ rất rõ ràng, thiết yếu. Thế mà những kẻ xuất gia và tại gia đời mạt pháp đều chẳng tôn trọng làm theo. Đại đạo vì thế sắp phải ẩn khuất, lời vi diệu ắt phải tuyệt dứt đi!

Trăm hàng nhớ tưởng Thánh giáo,¹ muốn rộng truyền ra, nên sắc cho quan thuộc sai mười người hay chữ, sao chép kinh này ra nhiều bản, là nhắm đến việc phải làm theo kinh. Những thứ cần dùng như giấy, bút, mực... quan hữu tư phải lo cung cấp.

Hết thầy quan viên từ ngũ phẩm trở lên, cùng thứ sử các châu, mỗi người được trao cho một quyển. Nếu ai thấy đức hạnh, việc làm của hàng tăng ni mà không phù hợp theo kinh này, thì nên lấy cả phép công lẫn tình riêng mà khuyên nhủ, khiến cho phải làm theo.

¹Thánh giáo: Chỉ kinh điển của Phật thuyết. Vì lời dạy của Phật được xem như lời bậc Thánh, nên gọi là Thánh giáo.

1. TỰA KINH

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni,¹ lúc mới Chuyển pháp luân độ ông A-nhã Kiều-trần-như, đến khi thuyết pháp lần cuối cùng độ ông Tu-bạt-đà-la.² Khi những người đáng độ đã độ hết rồi, ở giữa hai cây Sa-la³ ngài sắp nhập Niết-bàn. Bấy giờ là nửa đêm, khắp nơi yên lặng không một âm thanh gì, Phật vì hàng đệ tử mà lược thuyết những chỗ cốt yếu trong giáo pháp.⁴

¹Phật Thích-ca Mâu-ni (Śākyamuni Buddha): Phật, hay Phật-đà (Buddha), Hán dịch là Giác giả, vì ngài có đủ ba đức của tánh giác: 1. Tự giác (Tự mình giác ngộ), 2. Giác tha (Giác ngộ cho kẻ khác), 3. Giác hạnh viên mãn (Chỗ giác ngộ và chỗ thực hành đều trọn vẹn). Thích-ca Mâu-ni (Śākyamuni), Hán dịch là Năng Nhân, nghĩa là có đủ năng lực và lòng nhân từ. Ngài đản sanh năm 564 trước Dương lịch, nhập Niết-bàn năm 479 trước Dương lịch.

²Tu-bạt-đà-la, Hán dịch là Thiện Hiền. Trong hàng đệ tử xuất gia của Phật, Ông Kiều-trần-như là người đầu tiên đắc quả A-la-hán, Ông Tu-bạt-đà-la là người sau cùng đắc quả A-la-hán. Khi Phật sắp vào Niết-bàn, vị tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la được 120 tuổi đến cầu nghe Pháp. Nghe xong, thọ giới xuất gia làm tỳ-kheo và liền đó đắc quả A-la-hán.

³Sa-la (Sāla), tên một loại cây lớn mọc thành rừng, hoa rất thơm, đẹp, Hán dịch là Kiên cố. Trong rừng sa-la gần thành Câu-thi-na, có hai cây mọc song song (Sa-la song thọ). Phật chọn nơi ấy làm chỗ nhập Niết bàn.

⁴Tuy Phật đã thuyết rất nhiều bộ kinh trong suốt thời gian trụ thế, nhưng trước lúc nhập Niết-bàn, ngài vì lòng từ mẫn nên lược nói những chỗ cốt yếu nhất để dặn dò hàng đệ tử. Người đệ tử Phật ít nhất cũng phải ghi nhớ và làm theo những chỗ cốt yếu này vậy.

2. GIỮ GIỚI LUẬT

(Phần Chánh tông)

“Tỳ-kheo các ông! Sau khi ta nhập diệt, nên tôn trọng, cung kính đối với giới luật,¹ như ở chỗ tối tăm được thấy ánh sáng; như người nghèo được của báu. Nên biết rằng giới luật là thầy của các ông, cũng như ta đây còn trụ thế, không hề khác biệt.

“Người giữ giới trong sạch không được làm việc buôn bán đổi chác; mua giữ ruộng đất, nhà cửa; nuôi dưỡng nô tỳ, súc vật để cầu lợi. Tất cả những loại giống cây trồng cùng mọi thứ của cải quý báu đều phải nên xa lánh, như tránh xa hầm lửa vậy. Không được đốn chặt cây cỏ, cày ruộng, đào đất; bào chế thuốc thang; xem tướng lành dữ; nhìn sao trên trời để suy lường vận mệnh nên hư. Những việc xem ngày giờ tốt xấu đều chẳng nên làm.

¹Giới luật, hay Ba-la-đề-mộc-xoa, cũng gọi là Giới bốn, Giới hạnh, Biệt giải thoát, Tùy thuận giải thoát, đều chỉ chung cho tất cả những giới luật mà người xuất gia phải tuân theo, gìn giữ. Ba-la-đề-mộc-xoa của tỳ-kheo gồm có 250 giới. Ba-la-đề-mộc-xoa của tỳ-kheo ni gồm có 348 giới.

“Hãy dè dặt giữ mình có tiết độ, ăn uống đúng giờ,¹ nuôi sống bằng cách trong sạch. Không được tham dự những công việc của người đời, làm người đưa tin, làm sứ giả. Những việc như luyện chú thuật, thuốc tiên; giao hảo với người sang trọng, khinh thường kẻ thân cận gần gũi, đều không nên làm.

“Phải tự mình luôn giữ chánh niệm, tâm ngay thẳng cầu thoát sanh tử. Không được che giấu lỗi lầm, hay làm những việc dị thường để mê hoặc người khác. Đối với bốn món được cúng dường² nên có chừng mực, biết vừa đủ. Khi được cúng dường, chẳng nên chứa trữ lại.

“Đó là nói sơ qua hình tướng của việc giữ giới.³ Giới luật chính là thuận theo gốc

¹Người xuất gia chỉ ăn mỗi ngày một bữa, vào giờ ngọ. Quá giờ thì thà nhịn đói chứ không ăn.

²Bốn món cúng dường: (Tứ cúng dường hay Tứ sự cúng dường) là bốn món thiết yếu nhất, người tu cần có đủ để duy trì cuộc sống. Đó là: đồ ăn uống, y phục, giường ghế, thuốc thang.

³Hình tướng của việc giữ giới (Trì giới chi tướng), nghĩa là mới nói những điều nhìn thấy bên ngoài mà thôi. Người giữ giới, ngoài việc giữ theo hình tướng, còn phải luôn giữ tâm thanh tịnh, giới luật tại tâm mình. Nếu trong tâm nghĩ điều trái với giới luật, cũng là phạm giới, dù chưa có tướng phá giới hiện ra bên ngoài.

của giải thoát, cho nên gọi là Tùy thuận giải thoát. Nhờ nương theo giới luật mà sanh ra các môn thiên định và trí huệ diệt khổ.¹ Vì vậy mà tỳ-kheo phải giữ giới trong sạch, không để có sự hủy phạm, thiếu sót. Nếu ai giữ giới trong sạch, ắt được các pháp lành. Nếu không giữ giới trong sạch, thì các công đức lành đều chẳng thể sanh ra. Nên phải biết rằng, giới luật là chỗ trụ an ổn bậc nhất sanh các công đức.”

3. CHẾ TÂM

“Tỳ-kheo các ông! Đã có thể trụ yên nơi giới rồi, nên chế ngự năm căn,² chớ để phóng dật, chạy theo năm dục.³ Ví như

¹Nhân giới sanh định, nhân định phát huệ. Theo ý này thì giới luật là căn bản, là chỗ xuất phát trước nhất của người cầu đạo giải thoát, cũng là chiếc phao nổi phải luôn luôn giữ gìn nếu muốn vượt qua biển khổ sanh tử.

²Năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm căn ở trong, đối với năm trần ở ngoài, có sức phát sanh sự nhận biết, sự ham muốn, nên gọi là căn (gốc). Nếu nói sáu căn thì thêm ý căn.

³Năm dục: Năm loại cảm xúc, ham muốn. Đối với hình sắc đẹp, mắt ham muốn nhìn; đối với âm thanh êm dịu, tai ham muốn được nghe; đối với mùi thơm, mũi ham muốn ngửi; đối với mùi vị ngon ngọt, miệng lưỡi ham muốn nếm qua; đối với sự mềm mại, thân thể ham muốn sự đụng cọ.

người chần bò, cầm gậy canh giữ, chẳng để cho tự do chạy bậy, xâm phạm ruộng người.

“Nếu buông thả năm căn, chẳng những là chúng chạy theo năm dục không có giới hạn, không thể chế ngự được, lại như ngựa dữ không dây cương kiềm chế, sẽ lôi người xuống hầm hố. Như bị giặc cướp làm hại, chỉ khổ một đời này thôi, nhưng bị giặc năm căn gây hại, khổ nạn kéo dài nhiều kiếp, lại rất nặng nề, không thể không thận trọng.

“Vậy nên người có trí chế ngự các căn, chẳng hề tùy theo; phòng giữ như giặc cướp, không để buông thả. Nếu buông thả ra, chẳng bao lâu ắt phải diệt mất vì xúc chạm.

“Tâm là chủ của năm căn. Vậy nên các ông phải khéo chế ngự tâm. Tâm rất đáng sợ, hơn cả rắn độc, thú dữ, kẻ giặc thù, nạn lửa lớn tràn lan... Những thí dụ như thế cũng còn chưa đủ. Sự nguy cấp giống như

người tay cầm bát mật, đi lại nhanh nhẹn, mắt chỉ nhìn vào mật nên chẳng thấy cái hố rất sâu dưới chân; như con voi điên không có móc sắt để kiềm giữ; lại như con vượn được lên cây, mặc tình nhảy nhót, khó bề ngăn cấm, chế ngự. Phải mau mau kiềm chế, chớ để phóng dật. Nếu buông thả tâm, tất cả việc lành sẽ bị hủy hoại mất; chế ngự được tâm rồi, không việc gì không xong.

“Vậy nên chư tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn, chế ngự¹ cho được tâm.”

4. ĂN UỐNG CÓ TIẾT ĐỘ

“Tỳ-kheo các ông! Khi ăn uống nên xem như dùng thuốc để trị bệnh, dù ngon dù dở cũng chỉ dùng đúng mức,² đưa vào thân thể chỉ để khỏi đói khát mà thôi.

¹Chế ngự cho được tâm (chiết phục nữ tâm): Hiểu sát nghĩa là bẻ gãy được sức mạnh của tâm, khuất phục được tâm. Ở đây nói đến tâm bất thiện, nên chúng tôi dịch là chế ngự được.

²Dù ngon, dù dở, cũng chỉ dùng đúng mức (ư hảo, ư ố, vật sanh tăng giảm): Không vì món ngon mà ăn nhiều hơn, không vì món dở mà ăn ít lại, nên dịch là “dùng đúng mức”.

“Như con ong hút mật, chỉ lấy nhụy hoa mà chẳng làm tổn hại hương sắc. Tỳ-kheo cũng vậy, nhận sự cúng dường của người ta đủ trừ đói khát, chẳng được tham cầu nhiều, tổn hại đến lòng lành của người; như kẻ khôn ngoan biết lượng sức con bò kéo, chẳng ép quá nặng khiến phải kiệt sức.”

5. ĐỪNG THAM NGỦ NHIỀU

“Tỳ-kheo các ông! Trọn ngày nên siêng năng tu tập thiện pháp, chẳng phí thời gian. Ban đêm, cũng chẳng nên bỏ mất lúc đầu hôm và lúc gần sáng. Còn lúc nửa đêm, lấy việc tụng kinh để tự biết mình. Đừng để việc ngủ mê làm cho một đời phải uổng phí không được gì cả. Thường nhớ đến ngọn lửa vô thường luôn thiêu đốt cõi thế, sớm lo cầu độ thoát lấy mình, chẳng ham mê ngủ. Giác phiền não thường luôn rình rập giết hại người, độc hại hơn kẻ oán thù. Sao còn ham ngủ mà chẳng tự thức tỉnh? Con

rắn độc phiền não đang ngủ trong tâm, như con trăn dữ đang ngủ trong nhà. Hãy dùng cái móc sắt trì giới mà sớm trừ bỏ đi. Con rắn mê ngủ ấy trừ được rồi, mới có thể ngủ yên được.¹ Chưa trừ được rắn ấy mà vẫn ngủ là không biết tự hổ thẹn.

“Lấy sự tự hổ thẹn làm trang phục, đó là bậc nhất trong các món trang sức làm đẹp. Hổ thẹn giống như cái móc sắc, có thể giúp chế ngự được việc làm sai trái. Nên tỳ-kheo thường luôn phải biết tự hổ thẹn, không lúc nào lơ đãng. Nếu mình lìa khỏi sự hổ thẹn, ắt phải mất hết các công đức.

“Người biết xấu hổ thì mới làm được điều lành. Kẻ không biết xấu hổ, chẳng khác chi loài cầm thú.”²

¹Cũng như việc ăn uống, tỳ-kheo ngủ nghỉ chỉ vừa đủ dưỡng thân không tật bệnh. Nên phải trừ được tánh ham ngủ rồi mới ngủ. Khi ấy, tuy ngủ nhưng không ham mê quá độ. Chưa trừ được tánh ham ngủ tức là còn bị tham đắm.

²Trong đoạn này phải phân biệt hai ý. Trước nói đến tự hổ thẹn (tàm), đó là tự mình biết việc xấu đã làm mà thấy hổ thẹn, ăn năn, không muốn tái phạm. Sau nói đến xấu hổ (quý), đó là khi người khác biết việc xấu mình làm, thì lòng thấy xấu hổ, cũng do đó mà lần sau không dám tái phạm. Hai loại cảm xúc này có vẻ giống nhau nhưng chỉ khác ở chỗ: “tàm” là tự mình hổ thẹn với lương tâm mình, cho dù không ai biết việc sai trái của mình, còn “quý” là xấu hổ khi có người khác biết đến. Trong kinh Phật rất thường nhắc đến hai từ này đi đôi với nhau, vì người có đủ 2 đức ấy mới thật sự lìa được các việc không tốt.

6. KHÔNG NÓNG GIẬN

“Tỳ-kheo các ông! Nếu có người đến cắt xẻo thân thể ra từng mảnh, hãy tự nhiếp tâm không nên nóng giận; cũng phòng hộ nơi miệng, chớ nói lời ác độc. Nếu buông thả tâm nóng giận là tự mình làm hại đạo, mất hết lợi ích công đức.

“Nhẫn nhục là đức tính mà trì giới với khổ hạnh cũng chẳng bì kịp. Người có thể nhẫn nhục mới đáng gọi là bậc đại nhân có sức mạnh. Như người chẳng thể vui lòng nhận lời mắng chửi độc ác như uống nước cam lộ, thì chẳng thể gọi là bậc trí huệ đã nhập đạo. Tại sao vậy? Cái hại của sự nóng giận là phá hoại các pháp lành, làm mất danh tiếng tốt, khiến cho đời này và đời sau chẳng ai muốn gặp gỡ mình.

“Nên biết rằng tâm nóng giận còn hơn cả lửa dữ, phải thường phòng hộ, không để cho nhập vào. Giặc cướp công đức, không gì hơn tâm nóng giận. Người thế tục thọ hưởng dục lạc, chẳng phải người hành đạo

nên không có cách tự chế, nóng giận còn có thể tha thứ được; như người xuất gia hành đạo, không tham dục, mà còn ôm giữ sự nóng giận, thật không thể được. Như giữa trời xanh trong mát mà có sấm sét nẩy lửa, thật không phải việc đáng có.”

7. ĐỪNG KIÊU MẠN

“Tỳ-kheo các ông! Khi tự xoa đầu¹ nhớ rằng đã xả bỏ những món trang sức đẹp, mặc áo hoại sắc,² ôm giữ ứng khí³ lấy việc xin ăn mà nuôi sống. Tự thấy như vậy, nếu khởi tâm kiêu mạn⁴ thì hãy mau trừ bỏ đi. Người thế tục còn chẳng nên để lòng kiêu mạn tăng trưởng, huống chi là những kẻ

¹Tự xoa đầu (tự ma đầu): lấy tay xoa đầu để tự nhắc nhở, mình đã là người cạo tóc xuất gia, tức nhiên không còn muốn đeo mang những món trang điểm như người thế gian. Trong quyển Tỳ-kheo mẫu luận có chép: “Sở dĩ cạo tóc là để trừ bỏ lòng kiêu mạn.”

²Áo hoại sắc, tức là áo cà-sa: Người xuất gia mặc y phục đều phải nhuộm cho mất màu vải đi, cho mất giá trị theo thế gian của y phục ấy. Vì vậy nên gọi là áo hoại sắc (hoại sắc y), nghĩa là làm mất màu đi rồi. Thường thì nhuộm màu vàng, hoặc màu nâu.

³Ứng khí, tức là bình bát của người xuất gia, cũng gọi là ứng lượng khí, nghĩa là món đồ đựng vật thực cúng dường vừa đủ một bữa ăn.

⁴Kiêu mạn: Tự xem mình là tài giỏi, tốt đẹp hơn kẻ khác (cho dù không đúng vậy), nên khinh thường chẳng tôn trọng ai.

xuất gia nhập đạo đã vì muốn được giải thoát mà tự hạ mình đi xin ăn?”

8. TRỪ TÂM SIẾM KHÚC

“Tỳ-kheo các ông! Tâm siếm khúc¹ là trái với đạo. Vì vậy nên cần phải giữ lòng chơn chất, ngay thẳng.² Nên biết rằng tâm siếm khúc chỉ là để lừa dối. Người nhập đạo ắt không như vậy. Các ông nên giữ lòng đoan chánh, lấy sự chơn chất ngay thẳng làm gốc.”

9. ÍT HAM MUỐN

“Tỳ-kheo các ông! Nên biết rằng người nhiều ham muốn luôn cầu được nhiều món lợi, nên khổ não cũng nhiều.³ Người ít ham muốn không bị sự mong cầu, ham muốn gây

¹Siếm khúc: Siếm là nịnh hót, bợ đỡ kẻ quyền thế; khúc là cong vạy, chẳng ngay thẳng, tức là lòng dối trá chẳng theo đúng sự thật. Nói siếm khúc, vì hai nết xấu này đi đôi với nhau. Đã muốn nịnh hót, bợ đỡ, tất chẳng thể nói lời ngay thật được.

²Chơn chất ngay thẳng (chất trực) Lòng ngay thẳng, có sao nói vậy, không vì bất cứ tác động nào mà gian dối, bóp méo sự thật. Vì sự đối nghịch giữa hai tính chất, nên người chất trực thì không thể mắc lỗi siếm khúc.

³Khởi tâm tham cầu nhiều, dù được hay không được cũng đều vướng vào khổ não. Ví như cầu được, sự ham muốn cũng chẳng thể thỏa mãn, vì nó thật không có giới hạn. Như cầu không được thì tất nhiên là phải sanh khổ não.

ra cái hại ấy. Chỉ một việc ít ham muốn đó, rất nên tu tập; huống chi ít ham muốn lại có thể sanh ra các công đức nữa?

“Người ít ham muốn thì không có tâm siểm khúc để cầu cho được vừa lòng người, lại cũng không bị các căn dốt dẫn.¹ Người thực hành ít ham muốn thì lòng được thản nhiên, không lo sợ chi cả; cho dù gặp việc thế nào cũng tự thấy đầy đủ. Giữ tâm ít ham muốn, ắt được Niết-bàn.²

“Như vậy gọi là ít ham muốn.”

10. BIẾT ĐỦ

“Tỳ-kheo các ông! Nếu muốn thoát khỏi mọi khổ não, nên quán xét việc biết đủ.³ Phép biết đủ chính là chỗ giàu có, vui vẻ, an ổn. Người biết đủ dù nằm trên mặt đất, vẫn thấy yên vui. Người không biết đủ, dù ở trên cảnh trời cũng chưa thỏa ý.

¹Do ham muốn nên năm căn chạy theo năm trần, dốt dẫn, thúc giục người ta tạo các ác nghiệp. Trừ được ham muốn thì chế phục được năm căn, chẳng bị chúng dắt dẫn nữa.

²Nếu hiểu Niết-bàn là an vui tự tại, thì người ít ham muốn ắt có thể được hưởng cảnh an vui tự tại đó ngay tức khắc, chẳng đợi đến kiếp sau.

³Tâm tham muốn không có giới hạn. Biết đủ tức là nhận biết nhu cầu thực sự của mình, chỉ cần đáp ứng vừa đủ, không vì lòng tham mà cầu nhiều hơn.

“Kẻ không biết đủ, tuy giàu mà nghèo. Người biết đủ, tuy nghèo mà giàu. Kẻ không biết đủ thường bị năm đục dất dấn, nên người biết đủ lấy làm thương xót lắm.

“Như vậy gọi là sự biết đủ.”

11. XA LÌA

“Tỳ-kheo các ông! Muốn cầu tịch tĩnh, vô vi, an lạc, nên lìa chỗ tụ họp huyên náo, một mình ở nơi thanh vắng. Người ở nơi yên tĩnh, Đế-thích và chư thiên đều kính trọng. Vì vậy, chúng hội của mình, của người khác¹ đều nên xả bỏ, đến ở một mình nơi chỗ thanh vắng, suy nghĩ mà diệt tận gốc khổ.

“Nếu ưa thích nơi chúng hội, tất phải chịu mọi khổ ão. Ví như cây lớn, có nhiều chim chóc tụ họp, tất không khỏi mỗi họa cành nhánh khô gãy. Bị vướng buộc vào cảnh thế

¹Chúng hội: nhóm người tụ tập lại, cùng sống với nhau vì một mục đích chung. Chúng hội của mình, là chúng hội do mình đứng đầu, cai quản. Chúng hội của người khác là chúng hội mà mình nương nhờ theo, do người khác chủ quản.

tục, tất phải chìm đắm trong bể khô, như con voi già sa lầy, chẳng thể tự ra khỏi được.

“Như vậy gọi là sự xa lìa.”

12. TINH TẤN

“Tỳ-kheo các ông! Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc chi là khó. Bởi vậy, các ông nên chuyên cần tinh tấn. Ví như dòng nước nhỏ mà chảy mãi thì cũng làm mòn thủng được hòn đá. Nếu trong tâm người tu giải đãi, biếng nhác, cũng giống như người xát cây lấy lửa, chưa nóng đã vội ngưng nghỉ.¹ Dù người ấy muốn được lửa cũng khó mà được.

“Như vậy gọi là sự tinh tấn.”

13. KHÔNG MẤT CHÁNH NIỆM

“Tỳ-kheo các ông! Cầu được bậc thiện tri thức, cầu được người khéo phù trợ, cũng không bằng chẳng để mất chánh niệm. Nếu

¹Thời xưa chưa có những phương tiện như diêm quẹt, máy lửa, nên muốn lấy lửa thì dùng hai thanh cây khô có độ ma sát cao để chà xát vào nhau thật lâu, bên cạnh để một nắm bụi nhùi để bắt lửa. Nhờ chà xát lâu, nóng lên mà có lửa.

người không mất chánh niệm, giấc phiền não chẳng xâm nhập được. Vậy nên các ông phải thường thâm nhiếp chánh niệm trong tâm. Nếu để mất chánh niệm thì mất hết công đức. Như niệm lực được mạnh mẽ, bền bỉ, thì dù vào giữa đám giặc năm dục cũng chẳng bị hại; cũng như mặc áo giáp ra trận thì không sợ chi cả.

“Như vậy gọi là không mất chánh niệm.”

14. THIÊN ĐỊNH

“Tỳ-kheo các ông! Nếu người nhiếp tâm thì tâm được định. Nhờ tâm được định, có thể biết được các tướng của pháp sanh diệt ở thế gian. Vậy nên các ông thường phải tinh tấn tu tập các phép định. Nếu người được định thì tâm chẳng tán loạn. Ví như người muốn giữ nước, phải khéo đắp sửa bờ đê. Người tu cũng thế, vì giữ nước trí huệ, nên khéo tu thiên định, chẳng để cho rỉ chảy mất.

“Như vậy gọi là định.”

15. TRÍ HUỆ

“Tỳ-kheo các ông! Nếu có trí huệ thì không tham đắm, vướng mắc. Thường tự xét mình, chẳng để có sai sót. Như vậy thì ở trong pháp ta có thể được giải thoát. Nếu chẳng được vậy, thì chẳng phải người tu đạo, cũng chẳng phải người thế tục, chẳng có tên để gọi.

“Trí huệ thật là chiếc thuyền bền chắc đưa người vượt qua biển già, bệnh, chết; lại như ngọn đèn lớn sáng soi trong chỗ vô minh đen tối; như món thuốc hay trị được hết thảy bệnh tật; như cái rìu sắc bén đốn ngã cây phiền não. Vậy nên các ông phải lấy các môn trí huệ là nghe biết, suy xét, tu tập¹ mà tự làm tăng thêm phần ích lợi. Nếu người được sự chiếu sáng của trí huệ, thì dù chỉ có mắt thịt,² nhưng chính thật

¹Đó là ba môn trí huệ (Tam huệ), gọi là Văn huệ, Tư huệ, Tu huệ. Văn huệ là trí huệ do sự nghe biết. Nhờ nghe giảng kinh điển mà sanh trí huệ. Tư huệ là trí huệ do sự suy xét. Nhờ suy xét nghĩa lý của kinh điển mà sanh trí huệ. Tu huệ là trí huệ do sự tu tập. Nhờ tu tập thiền định mà sanh trí huệ.

²Mắt thịt (nhục nhãn): mắt của người thế tục, trong thân xác người thường.

là người thấy rõ tất cả.¹ Như vậy gọi là trí huệ.”

16. KHÔNG NÓI ĐÙA

“Tỳ-kheo các ông! Nếu nói đủ thứ chuyện chỉ cốt để đùa chơi² thì tâm phải tán loạn. Như vậy cho dù xuất gia nhưng chưa được giải thoát. Vì thế mà tỳ-kheo phải mau mau lìa bỏ việc loạn tâm nói đùa. Nếu các ông muốn được niềm vui tịch diệt, chỉ nên khéo dứt trừ mối hại của việc nói đùa.

“Như vậy gọi là không nói đùa.”

17. TỰ GẮNG SỨC

“Tỳ-kheo các ông! Đối với các công đức thường nên hết lòng. Từ bỏ sự phóng dật³ như tránh xa giặc thù. Những chỗ lợi ích mà đức Đại bi Thế Tôn đã thuyết đều có thể

¹Người thấy rõ tất cả (minh kiến nhân): người có cái nhìn sáng suốt.

²Nói đủ mọi thứ chuyện chỉ để đùa chơi (chúng chúng hý luận): những điều nói ra nhằm mục đích chỉ để đùa chơi, cho dù điều ấy là đúng hay sai, có thật hay không thật, đều gọi là hý luận.

³Phóng dật: Phóng túng, buông lung, chẳng biết tự chế, cũng không cố gắng trong việc tu tập, chạy theo năm dục, chẳng chuyên tu thiện pháp.

lấy làm cứu cánh, các ông phải nên siêng năng thực hành. Như khi ở chốn núi cao hoặc chỗ đầm lầy vắng vẻ, hoặc dưới gốc cây, hoặc buông bỏ mọi việc vào ở trong nhà vắng, đều phải luôn nghĩ nhớ đến các pháp đã thọ học, đừng để quên mất, thường tự gắng sức tinh tấn tu tập. Chớ để uổng phí cả một đời mà sau này phải hối tiếc.

“Ta như thầy thuốc, biết bệnh cho thuốc. Người bệnh chịu uống thuốc ấy hay không, chẳng phải do lỗi nơi thầy thuốc. Lại cũng như người khéo chỉ đường, chỉ cho mọi người con đường tốt. Nghe rồi mà chẳng đi theo, thật chẳng phải lỗi nơi người chỉ đường.”

18. DỨT LÒNG NGHI

“Nếu các ông có chỗ nghi ngờ nơi pháp Tứ đế, thì mau hỏi đi. Đừng ôm lòng nghi mà chẳng cầu được làm rõ.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn nói đến ba lần như vậy, nhưng không ai hỏi chi cả. Vì sao

vậy? Vì trong chúng hội thật không ai còn có lòng nghi.

Bấy giờ, A-nậu-lâu-đà¹ quán biết tâm ý của cả chúng hội, liền bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn! Mặt trăng có thể làm cho nóng lên, mặt trời lạnh đi,² nhưng Phật thuyết pháp Tứ đế, không thể nào làm cho sai khác. Phật thuyết Khổ đế, quả thật là khổ, không thể nói thành vui. Nói Tập đế là nhân, thật là không còn có nhân nào khác nữa. Nếu diệt được khổ, tức là nhân đã diệt. Chính vì nhân đã diệt nên quả phải diệt. Đạo diệt khổ thật là đạo chân chánh, không còn đạo nào khác nữa.

“Bạch Thế Tôn! Chư tỳ-kheo nay đối với pháp Tứ đế đã tin chắc không có lòng nghi.”

¹A-nậu-lâu-đà (Aniruddha), cũng đọc là A-na-luật, Hán dịch là Như ý Vô tham. Ông là một người trong hoàng tộc (họ Thích-ca), xuất gia chứng đắc Thánh quả, được dự hàng Thập đại đệ tử, được Phật khen là Thiên nhân đệ nhất.

²Ví dụ này muốn nói lên chuyện rất khó làm.

19. CHÚNG SANH ĐƯỢC ĐỘ THOÁT

“Trong chúng hội này, những người chưa đắc quả A-la-hán thấy Phật nhập diệt, ắt sanh lòng bi cảm. Những người vừa mới vào cửa Pháp, nghe lời Phật thuyết ắt sẽ được độ thoát ngay. Như trong đêm tối vừa có tia chớp sáng liền thấy đường đi. Còn những người đã đắc quả A-la-hán, vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ rằng: Đức Thế Tôn diệt độ sớm thế sao!”

Tuy A-nậu-lâu-đà nói ra lời ấy, nhưng trong chúng hội ai nấy đều đã hiểu rõ nghĩa của Bốn Thánh đế.¹

Đức Thế Tôn muốn cho đại chúng đều được lòng kiên cố, nên lấy tâm đại bi, lại vì cả chúng hội mà nói lời này:

“Tỳ-kheo các ông! Đừng ôm lòng bi thương áo não. Như ta có trụ thế trọn một kiếp, cuối cùng cũng phải diệt độ. Hợp mà không tan, thật không thể được. Chỗ lợi

¹Bốn Thánh đế: tức là Tứ đế hay Tứ Thánh đế.

mình, lợi người,¹ trong pháp ta đều đã dạy đủ. Nếu ta ở đời lâu nữa cũng không có ích gì. Những ai có thể cứu độ, ở cõi trời, người, đều đã được cứu độ. Còn những ai chưa thể cứu độ, ta cũng đã tạo nhân duyên cứu độ về sau rồi.”²

20. PHÁP THÂN CÒN MÃI

(Phần Lưu thông)

“Từ nay về sau, đệ tử của ta cứ tuân tự y theo nơi pháp mà thực hành. Như vậy là Pháp thân của Như Lai vẫn thường còn chẳng mất. Nên phải biết rằng mọi việc trong đời đều vô thường, có tụ hội ắt có chia lìa. Đừng ôm lòng sầu khổ nữa, hình tướng ở đời là như thế. Hãy siêng năng tinh tấn, sớm cầu giải thoát, đem ánh sáng trí

¹Lợi mình, lợi người (tự lợi, lợi tha): Người tu tập vừa được lợi lạc cho chính mình (tự lợi), vừa mang lại lợi lạc cho kẻ khác (lợi tha). Nhưng chính nhờ giúp lợi lạc cho kẻ khác mà người tu mới hoàn thiện được chính mình, gieo trồng thiện căn cầu quả giải thoát. Cho nên, nhìn một cách toàn diện thì tự lợi và lợi tha chỉ là hai mặt của một vấn đề. Với tâm ích kỷ chỉ nghĩ đến riêng mình thì không thể tu đạo chứng quả được.

²Những ai chưa đủ căn lành để được cứu độ ngay trong thời Phật tại thế, sau này có thể y theo kinh điển mà tu tập, nghiêm trì giới luật, thì cũng được giải thoát. Vì vậy nên nói là đã tạo ra nhân duyên cứu độ về sau.

huệ mà trừ diệt ngu si u ám. Cuộc đời thật là mong manh, nguy hiểm, không gì bền chắc. Nay ta sắp nhập diệt, như trừ xong bệnh dữ. Cái hình tướng tội lỗi ác độc đáng xả bỏ này, giả tạm mà gọi là cái thân, chìm đắm trong chốn biển lớn sanh tử, bệnh lão. Có bậc trí nào đã dứt trừ được nó, như giết được kẻ giặc thù mà lại không vui?”

21. KẾT LUẬN

“Tỳ-kheo các ông! Thường nên hết lòng chuyên cần cầu học đạo giải thoát. Hết thấy các pháp động và bất động ở thế gian đều là tướng bại hoại, chẳng an ổn. Các ông thôi đừng nói gì nữa. Thời giờ sắp qua, ta sắp diệt độ. Đây là những lời dạy dỗ cuối cùng của ta vậy.”

NỘI DUNG

Nghi thức khai kinh	5
PHẦN DỊCH ÂM	12
PHẦN DỊCH NGHĨA	
Sắc chỉ của vua Đường Thái Tông.....	27
Phần Chánh tông	30
Phần Lưu thông.....	49